

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 07 thủ tục hành chính mới, 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ; 07 thủ tục hành chính mới, 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong lĩnh vực Quản lý nhà nước về Quỹ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 15/TTr-SNV ngày 03/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 07 thủ tục hành chính mới, 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ; 07 thủ tục hành chính mới, 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm

quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong lĩnh vực Quản lý nhà nước về Quĩ theo Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Bãi bỏ thủ tục hành chính số 1 đến số 9 thuộc Phần II tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục gồm 09 thủ tục hành chính mới, 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ và thủ tục hành chính số 8 đến số 16 tại Mục I, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục gồm 21 thủ tục hành chính mới và 01 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm:
 - a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện cập nhật, công khai thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Điều 1 của Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; niêm yết, công khai thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết và hủy công khai thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.
 - b. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện cập nhật, niêm yết, công khai thủ tục hành chính mới và hủy công khai thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ - Cục Kiểm soát TTHC;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở TTTT (Phòng CNTT);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUỸ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ,
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện/Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ					
01	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ (cấp tỉnh) 1.013017	60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy Sở Nội vụ). Địa chỉ: 69 Hùng Vương - Tp. Pleiku - Gia Lai. * Nếu hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
02	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (cấp tỉnh) 1.013018	- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ về việc công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. - 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.			
03	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (cấp tỉnh) 1.013019	- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ. - 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc đổi tên quỹ.			

04	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp tỉnh) 1.013020	60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy Sở Nội vụ). Địa chỉ: 69 Hùng Vương - Tp. Pleiku - Gia Lai. * Nếu hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
05	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (cấp tỉnh) 1.013021	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép quỹ hoạt động trở lại.			
06	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp tỉnh) 1.013022	- 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ. - 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép mở rộng phạm vi hoạt động của quỹ.			
07	Quỹ tự giải thể (cấp tỉnh) 1.013023	Sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại.			

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

01	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp huyện) 1.013024	60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã,	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày
02	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp huyện) 1.013027	60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ			

03	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (cấp huyện) 1.013025	<p>- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ về việc công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.</p> <p>- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.</p>	<p>thành phố.</p> <p>* Nếu hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.</p>		23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
04	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (cấp huyện) 1.013026	<p>- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ.</p> <p>- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ về việc đổi tên quỹ.</p>			
05	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (cấp huyện) 1.013028	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép quỹ hoạt động trở lại.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.		- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;
06	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp huyện) 1.013029	<p>- 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ.</p> <p>- 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến của các cơ quan liên quan về việc cho phép mở rộng phạm vi hoạt động của quỹ.</p>	<p>tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>* Nếu hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.</p>	Không	- Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
07	Quỹ tự giải thể (cấp huyện) 1.013030	Sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại.			

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ			
01	1.003822.000.00.00.H21	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>- Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>
02	2.001590.000.00.00.H21	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
03	2.001567.000.00.00.H21	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
04	1.003621.000.00.00.H21	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	
05	1.003916.000.00.00.H21	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
06	1.003950.000.00.00.H21	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời gian hoạt động	
07	1.003920.000.00.00.H21	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	
08	1.003879.000.00.00.H21	Đổi tên quỹ	
09	1.003866.000.00.00.H21	Tự giải thể quỹ	
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ			
01	1.005209.000.00.00.H21	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p>
02	1.005208.000.00.00.H21	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	

03	1.005207.000.00.00.H21	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	- Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
04	1.003889.000.00.00.H21	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	
05	1.005206.000.00.00.H21	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
06	1.005205.000.00.00.H21	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
07	1.005204.000.00.00.H21	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	
08	1.005203.000.00.00.H21	Đổi tên quỹ	
09	1.005202.000.00.00.H21	Quỹ tự giải thể	